

Thứ hai, ngày 14 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp đà hồi phục, Trung Mỹ bắt tay

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/10/2019		•	
Tuần 14/10-18/10/2019		•	
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index tiếp nối đà tăng của phiên trước đó nhờ sự bứt phá của các cổ phiếu nhóm Ngân hàng bao gồm BID, CTG, TCB, VCB trước thông cáo của Bộ Tài chính về thông tin Moody's xét lại xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam. Đến phiên chiều, chỉ số duy trì được sắc xanh khi nhóm Ngân hàng vẫn đóng vai trò nâng đỡ thị trường. Tuy vậy, lực kéo từ bộ đôi nhà Vín là VHM và VRE cũng khiến cho đà tăng bị thu hẹp. Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng trên sàn HSX. Thị trường có phiên giao dịch khởi sắc theo xu hướng các TTCK khác trong khu vực. Thỏa thuận giai đoạn 1 giữa Mỹ và Trung Quốc tập trung cải thiện các lo ngại về tài sản trí tuệ, dịch vụ tài chính, tiền tệ và nông sản phần nào đem lại triển vọng tích cực về nền kinh tế thế giới. Qua đó, làm giảm bớt áp lực lên tâm lý nhà đầu tư.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2019, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngân hàng_1.6%. 9/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó 6/16 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.2%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.6%**.

Phân tích kỹ thuật: CTG_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: TCM, KDH, TNG, TCB, BID

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.73 điểm**, đóng cửa 993.57. HNX-Index **+0.79 điểm**, đóng cửa 106.05.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+0.62); MBB (+0.48); BID (+0.36); TCB (+0.31); VNM (+0.31).**
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-0.49); VRE (-0.44); VCB (-0.32); GAS (-0.16); MSN (-0.14).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,494 tỷ đồng**, **+22.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.75 điểm. Thị trường có 176 mã tăng, 63 mã tham chiếu và 137 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **25.92 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm NVL (27.08 tỷ), VIC (17.77 tỷ) và VCB (14.94 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **6.67 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

993.57

Giá trị: 3494.69 tỷ

1.73 (0.17%)

Khối ngoại (ròng): 25.92 tỷ

HNX-INDEX

106.05

Giá trị: 399.47 tỷ

0.79 (0.75%)

Khối ngoại (ròng): -6.67 tỷ

UPCOM-INDEX

56.78

Giá trị: 261.33 tỷ

-0.19 (-0.33%)

Khối ngoại(ròng): 12.83 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.3	-0.80%
Giá vàng	1,490	0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,201	#DIV/0!
Tỷ giá EUR/VND	25,578	-0.76%
Tỷ giá JPY/VND	21,428	0.14%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	-4.84%
LS TPCP 5 năm	3.0%	-0.34%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	27.0	VRE	33.0
VIC	17.8	ROS	25.6
VCB	14.9	HDB	22.8
VNM	13.7	VJC	14.5
BID	11.2	HPG	7.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Bạn không có thời gian để đầu tư

Bạn băn khoăn với biến động thị trường

Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

*9/16 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó **6/16 danh mục** có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.2%). Đặc biệt, danh mục **Ngân hàng** - gồm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt, tiềm năng tăng trưởng bền vững và định giá hợp lý - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.6%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **16/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngân hàng_1.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Ngân hàng	1.6%	3.8%	5.9%	11.6%	12.4%	9.0%	86.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.4%	2.5%	3.3%	-7.7%	-10.2%	-14.4%	42.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.1%	3.3%	5.0%	6.1%	5.0%	-0.8%	40.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.1%	1.6%	1.3%	8.2%	11.6%	5.1%	78.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	1.9%	3.6%	6.3%	8.7%	7.4%	73.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.6%	-0.7%	-6.2%	-0.7%	11.9%	47.1%
Lãi suất giảm	0.1%	0.5%	1.9%	-1.0%	0.4%	2.4%	53.5%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-0.2%	-1.9%	-7.4%	-5.0%	-4.2%	6.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.0%	0.4%	-0.7%	1.9%	2.9%	2.7%	59.6%
Hàng tiêu dùng	0.0%	0.9%	2.2%	6.2%	8.9%	9.1%	60.2%
Xây dựng	-0.1%	0.1%	2.1%	-1.0%	-5.1%	-9.0%	26.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	0.4%	0.2%	0.2%	-0.1%	5.9%	77.2%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.1%	0.5%	1.4%	-0.6%	-2.5%	-7.1%	-5.8%
Nước & Năng lượng	-0.3%	-0.7%	-1.6%	-4.2%	0.3%	7.2%	54.3%
Dầu khí	-0.5%	1.6%	-0.6%	-6.6%	-4.2%	-8.5%	9.5%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	1.2%	1.6%	0.5%	3.6%	1.2%	4.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 18	1.0%	2.2%	0.9%	9.9%	14.2%	18.3%	118.2%
Danh mục 1	0.9%	1.5%	3.9%	10.5%	13.2%	9.7%	72.9%
Danh mục 15	0.9%	1.8%	5.2%	6.6%	7.8%	8.9%	80.7%
Danh mục 2	0.0%	1.0%	1.2%	5.8%	5.1%	7.1%	76.3%
Danh mục 9	-0.1%	0.5%	0.6%	6.2%	8.4%	8.0%	56.3%
* Note	16/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.9%	2.2%	1.7%	14.2%	18.0%	11.8%	77.0%
Danh mục 19	0.6%	1.9%	3.9%	9.9%	12.5%	16.8%	62.7%
Danh mục 23	0.3%	1.0%	2.6%	2.3%	2.8%	7.8%	106.3%
Danh mục 25	0.0%	1.1%	0.2%	3.8%	11.7%	26.6%	160.9%
Danh mục 20	-0.8%	0.3%	1.5%	0.0%	2.3%	7.4%	20.1%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.2%	1.1%	0.6%	1.2%	2.2%	2.4%	44.6%
VN30INDEX	0.6%	1.6%	1.9%	5.5%	3.8%	-2.3%	40.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/14/2019

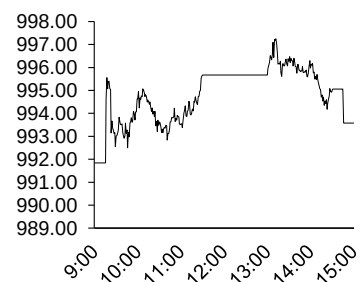
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

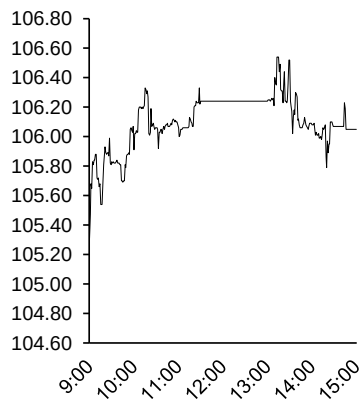
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	1.8%
Bán lẻ	1.2%
Dịch vụ tài chính	1.0%
Ngân hàng	0.8%
Ô tô và phụ tùng	0.6%
Y tế	0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.3%
Bảo hiểm	0.3%
Thực phẩm và đồ uống	0.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%
Viễn thông	0.0%
Dầu khí	-0.1%
Du lịch và Giải trí	-0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.2%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Bất động sản	-0.3%
Hóa chất	-0.5%
Truyền thông	-0.7%
Xây dựng và Vật liệu	-1.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CTG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hồi dự dương
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu CTG đang hình thành xu hướng tăng giá sau khi tích lũy dài hạn tại vùng giá 20-21. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu hồi phục sau khi chạm kênh Bollinger dưới trong khi chỉ báo MACD cho thấy tín hiệu hồi phục nhẹ bởi dấu hiệu phân kỳ dương. Đường giá cổ phiếu cũng đã nằm trên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, CTG có thể trở về ngưỡng khan cực cũ tại vùng giá 26-27 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

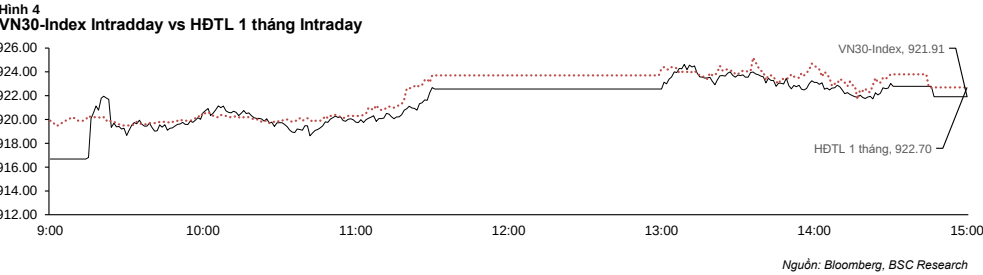
TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	922.70	0.79%	0.79	-17.6%	57511	10/17/2019	5
VN30F1911	924.00	0.96%	2.09	272.5%	2388	11/21/2019	40
VN30F1912	921.00	0.84%	-0.91	308.3%	98	12/19/2019	68
VN30F2003	921.10	0.85%	-0.81	17.5%	114	3/19/2020	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng tích cực 5.23 điểm lên mức 921.91 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MBB, TCB, FPT, MWG, và VPB tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. VN30 giằng co quanh 920 điểm, sau khi tăng mạnh ngay tại đầu phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục đà tăng trước khi điều chỉnh giảm nhẹ. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận cùng vận động tăng của chỉ số, dự kiến kiểm tra cản 927 điểm trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng ngắn hạn đều giảm, trong khi các hợp đồng dài hạn đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1910, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng điểm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CMBB1902	HSC	12/17/2019	64	1:1	419,970	140.4%	1.0 triệu	18.52%	3,200	4,460	13.49%	1,938.10
CHPG1902	KIS	12/11/2019	58	5:1	350,780	-33.9%	6.0 triệu	28.57%	1,000	130	8.33%	0.01
CVNM1901	KIS	12/13/2020	426	10:1	994,130	0.0%	5.0 triệu	26.61%	1,200	590	7.27%	n/a
CVIC1901	KIS	11/14/2019	31	5:1	170,430	12.6%	2.0 triệu	20.92%	1,960	860	4.88%	n/a
CSTB1901	KIS	1/9/2020	87	1:1	197,570	36.3%	1.5 triệu	21.47%	1,390	1,800	4.65%	635.60
CFPT1903	SSI	12/30/2019	77	1:1	59,340	186.0%	2.0 triệu	20.19%	6,000	14,290	4.31%	13,019.00
CMWG1902	VND	12/11/2019	58	4:1	56,040	1.1%	2.4 triệu	20.43%	2,990	9,270	3.11%	8,844.20
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	56	5:1	7,680	193.1%	1.5 triệu	20.43%	5,600	7,000	2.94%	6,276.60
CMWG1904	SSI	12/30/2019	77	1:1	10,440	61.6%	1.0 triệu	20.43%	14,000	38,000	2.87%	35,597.70
CFPT1904	MBS	11/19/2019	36	3:1	96,040	119.8%	3.0 triệu	20.19%	1,700	2,650	2.71%	2,001.50
CMWG1903	HSC	12/30/2019	77	5:1	24,740	5.4%	2.0 triệu	20.43%	2,700	6,500	2.69%	6,120.20
CDPM1901	KIS	1/9/2020	87	1:1	21,920	209.2%	1.5 triệu	26.73%	1,900	2,490	2.47%	1,176.10
CMWG1906	MBS	12/16/2019	63	5:1	24,630	-37.6%	3.0 triệu	20.43%	2,850	2,800	1.82%	1,390.70
CNVL1901	KIS	2/7/2020	116	4:1	10,660	3.4%	5.0 triệu	19.96%	1,900	2,540	1.60%	803.10
CHPG1905	SSI	12/30/2019	77	1:1	49,290	-45.1%	1.0 triệu	28.57%	3,300	1,850	-0.54%	582.60
CVHM1901	KIS	2/7/2020	116	4:1	4,380	-33.6%	5.0 triệu	27.23%	3,100	3,690	-2.89%	1,270.20
CMSN1901	KIS	11/14/2019	31	5:1	29,900	27.9%	1.8 triệu	22.83%	1,920	780	-7.14%	5.60
CRÉE1901	MBS	11/19/2019	36	3:1	262,210	328.4%	3.0 triệu	23.32%	1,260	1,210	-7.63%	479.20
CHPG1906	KIS	11/14/2019	31	2:1	216,490	142.2%	5.0 triệu	28.57%	1,500	250	-13.79%	0.20
CVRE1901	KIS	11/14/2019	31	2:1	43,100	-63.5%	2.5 triệu	26.13%	1,900	510	-27.14%	31.00

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2019, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.
- Về giá, CMBB1902 tăng mạnh nhất 13.49%. CVRE1901 giảm mạnh nhất -27.14%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ 3.27%. CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 32% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	23.45	3.08	1.34
TCB	23.90	1.27	0.95
FPT	57.70	2.12	0.91
MWG	124.70	1.05	0.52
VPB	22.30	0.90	0.48

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VRE	31.7	-2.01	-0.40
MSN	76.6	-0.52	-0.26
VHM	87.9	-0.57	-0.25
VCB	85.0	-0.35	-0.12
HPG	21.5	-0.23	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1902	26,300	21,800	23,450
CHPG1902	166,285	41,999	21,450
CVNM1901	46,340	156,285	128,600
CVIC1901	150,688	140,888	118,000
CSTB1901	12,278	10,888	11,100
CFPT1903	56,154	45,140	57,700
CMWG1902	48,130	90,000	124,700
CMWG1905	122,000	94,000	124,700
CMWG1904	165,000	90,000	124,700
CFPT1904	57,100	52,000	57,700
CMWG1903	25,800	95,000	124,700
CDPM1901	15,888	13,988	14,600
CMWG1906	135,150	120,900	124,700
CNVL1901	69,688	62,088	62,000
CHPG1905	93,300	23,100	21,450
CVHM1901	102,288	89,888	87,900
CMSN1901	98,488	88,888	76,600
CRÉE1901	41,330	37,550	38,000
CHPG1906	31,088	28,088	21,450
CVRE1901	44,688	40,888	31,700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	124.7	1.1%	0.7	2,400	3.0	7,893	15.8	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.0	0.0%	1.0	774	0.7	4,727	16.9	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	72.0	-0.1%	1.3	2,194	0.3	1,505	47.8	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.0	3.1%	0.7	332	0.2	3,061	10.8	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.0	0.0%	1.1	17,166	1.8	1,643	71.8	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.7	-2.0%	1.1	3,210	4.4	1,033	30.7	2.6	31.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.0	0.2%	0.8	2,508	2.1	3,579	17.3	2.9	7.3%	17.8%
REE	Bất động sản	38.0	0.5%	1.0	512	1.2	5,261	7.2	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.4	1.5%	1.4	377	1.3	3,744	4.4	1.1	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.8	2.1%	1.3	480	2.5	1,997	10.9	1.2	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.8	0.0%	1.0	249	0.1	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.5	3.3%	1.5	312	1.2	1,434	16.4	1.7	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.7	2.1%	0.8	1,702	5.6	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	2.3%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	-0.3%	1.5	8,488	1.0	6,066	16.8	4.4	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	58.6	0.2%	1.5	3,034	0.6	3,350	17.5	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.7	-1.1%	1.7	389	1.5	2,397	7.8	0.7	22.8%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	-2.0%	0.8	1,308	0.5	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.0	1.2%	0.5	529	0.1	4,616	20.1	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.6	1.0%	0.7	248	0.1	853	17.1	0.7	19.0%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.4	0.0%	0.6	170	0.1	897	8.2	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	85.0	-0.4%	1.3	13,707	2.3	4,729	18.0	4.1	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.2	0.9%	1.5	6,117	2.5	2,091	19.7	2.6	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.7	2.6%	1.6	3,513	6.7	1,470	14.8	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.3	0.9%	1.2	2,382	6.1	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.5	3.1%	1.1	2,327	12.0	3,215	7.3	1.5	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	24.5	2.1%	1.1	1,727	3.7	4,469	5.5	1.3	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.5	-1.3%	0.9	190	0.8	5,017	10.7	1.8	78.6%	17.1%
NTP	Nhựa	39.0	-1.5%	0.3	151	0.2	4,490	8.7	1.5	21.1%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	-1.2%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.5	-0.2%	1.0	2,575	2.8	2,760	7.8	1.3	37.6%	19.9%
HSG	Thép	7.3	-1.2%	1.5	135	0.8	425	17.2	0.6	17.4%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	128.6	0.5%	0.8	9,737	3.3	5,465	23.5	7.9	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	258.5	0.3%	0.8	7,207	0.3	6,735	38.4	9.5	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.6	-0.5%	1.2	3,893	0.7	3,304	23.2	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.7	3.9%	0.5	477	1.4	542	34.5	1.7	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	76.5	0.9%	0.8	7,241	0.3	2,630	29.1	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	139.4	0.0%	1.1	3,175	3.0	9,850	14.2	5.4	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	35.0	-0.3%	1.7	2,158	0.8	1,747	20.0	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.6	-0.6%	0.8	343	0.3	1,888	14.1	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.0	0.0%	0.6	208	0.2	2,435	7.0	1.2	30.6%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.6	-10.0%	0.9	577	4.2	7,667	11.0	4.3	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	1.0%	0.8	378	0.0	1,327	14.6	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	-0.3%	0.8	263	0.1	1,657	9.6	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	89.8	-0.2%	0.7	298	0.2	13,535	6.6	0.9	48.8%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.7	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.5	0.6%	0.5	263	0.4	387	63.2	1.2	52.0%	1.9%
POW	Điện	12.9	0.8%	0.6	1,308	0.9	820	15.7	1.2	14.4%	7.8%
NT2	Điện	22.7	-4.0%	0.6	284	0.9	2,241	10.1	1.6	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	21.70	2.60	0.60	7.10MLN
MBB	23.45	3.08	0.45	11.80MLN
BID	41.15	0.86	0.35	1.38MLN
TCB	23.90	1.27	0.31	5.15MLN
VNM	128.60	0.47	0.31	586040.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.50	2.08	0.83	3.53MLN
SHB	6.70	1.52	0.11	5.45MLN
DL1	26.00	7.44	0.09	100.00
NVB	8.60	2.38	0.08	1.20MLN
PGS	31.00	4.73	0.05	1800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.90	-0.57	-0.49	285650.00
VRE	31.70	-2.01	-0.45	3.17MLN
VCB	85.00	-0.35	-0.33	620800.00
GAS	102.00	-0.29	-0.17	217560.00
MSN	76.60	-0.52	-0.14	199640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	84.60	-10.00	-0.32	1.11MLN
PVS	18.70	-1.06	-0.05	1.87MLN
HLD	12.50	-24.24	-0.04	115500.00
L14	58.70	-4.86	-0.04	52700.00
CEO	9.50	-2.06	-0.03	666900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAI	1.69	6.96	0.01	1.11MLN
HOT	36.95	6.95	0.01	150.00
LAF	9.26	6.93	0.00	6670.00
FLC	3.55	6.93	0.05	2.93MLN
NAV	8.80	6.93	0.00	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	37100.00
CLM	14.30	10.0	0.01	100.00
SD2	4.40	10.0	0.00	17000.00
TV3	30.80	10.0	0.01	1000.00
TBX	17.00	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPK	2.42	-6.92	0.00	24530.00
SII	17.50	-6.91	-0.03	10.00
FTM	3.64	-6.91	0.00	1.23MLN
SSC	71.50	-6.90	-0.02	140.00
FDC	14.25	-6.86	-0.01	2470.00

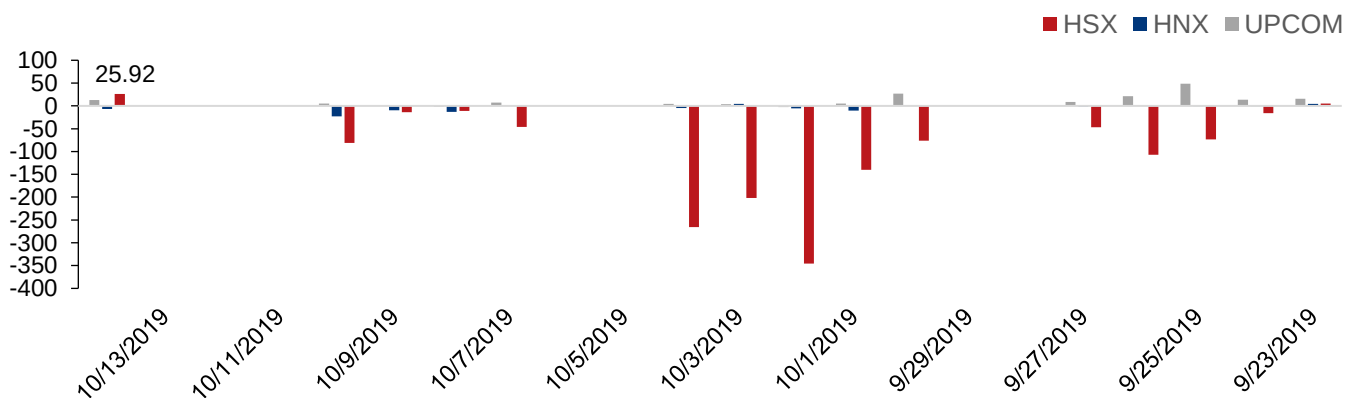
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HLD	12.50	-24.24	-0.04	115500.00
HPM	9.00	-10.00	0.00	100.00
VCS	84.60	-10.00	-0.32	1.11MLN
VDL	19.80	-10.00	-0.01	100.00
SAF	53.50	-9.93	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



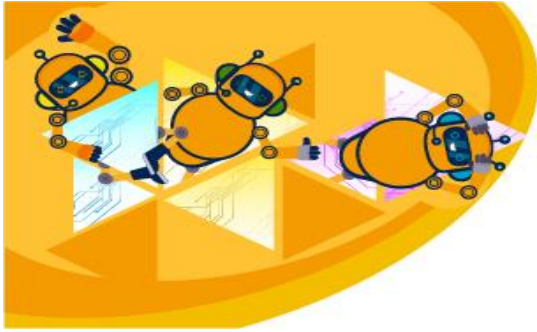
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.3	3,672	10.4	0.7	Click
2	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	76.6	3,304	23.2	2.9	Click
3	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	128.6	5,465	23.5	7.9	Click
4	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,680	8.4	1.6	Click
5	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	38.0	5,261	7.2	1.2	Click
6	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.0	18,865	4.2	1.6	Click
7	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	9.0	2,076	4.3	0.6	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.5	4,469	5.5	1.3	Click
9	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.6	1,098	13.3	1.2	Click
10	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.0	4,729	18.0	4.1	Click
11	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.0	1,295	18.5	1.9	Click
12	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.5	3,215	7.3	1.5	Click
13	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.9	2,801	20.0	3.3	Click
14	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.6	1,888	14.1	1.3	Click
15	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.9	3,705	7.5	2.0	Click
16	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.7	4,349	13.3	2.9	Click
17	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.0	649	21.6	1.2	Click
18	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	124.7	7,893	15.8	5.3	Click
19	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	80.0	4,727	16.9	4.4	Click
20	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	7/1/2019	58.0	61.4	54.0	5,276	10.2	2.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express QNS 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 30000 QNS hiện đang giao dịch ở vùng giá 29,000-30,000 VND/cp tương đương PE TTM là 8.8x thấp hơn trung vị ngành đường Việt Nam là 21.7x. Theo QNS dự báo doanh thu 2019F sẽ duy trì ngang với năm 2018 là 8,031 - 8,100 tỷ đồng và LNST sẽ giảm do chính sách giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho nhà máy đường An Khê đã hết hạn vào năm 2018, vì thế khả năng QNS sẽ khó hoàn thành được kế hoạch doanh thu 2019F là 8,400 tỷ đồng nhưng kỳ vọng vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 199.2 tỷ đồng. Mảng sữa đậu nành QNS kỳ vọng sẽ tăng trưởng 10-15%/năm trong giai đoạn 2019-2021. QNS đầu tư nhà máy đường tinh luyện RS dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019F nên sẽ mở rộng được khách hàng F&B lớn như CocaCola, Pepsico,...
Express CVT 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 25200; Giá tại Publish 23600 Chúng tôi dự báo doanh thu của CVT năm 2019 đạt 1,567 tỷ đồng (+8% YoY), tương đương với tổng sản lượng tiêu thụ là 17.5 triệu m2 (+1.7% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 162 tỷ (tương đương 2018), EPS fw = 4,194 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPT 5% LNST). Kết quả kinh doanh 9T2019: Doanh thu 1,148 tỷ đồng (+9.6% YoY), sản lượng 11.4 triệu m2 (tương đương 9T2018), trong đó: sản lượng Q3/2019 ước đạt 5.1 triệu m2, doanh thu 485 tỷ (+9.2% YoY). Ước tính sản lượng Q4/2019 đạt 5.2 -5.5 triệu m2, cả năm 17 triệu m2 (tương đương kế hoạch sản xuất).
MSN 2019Q3	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82770; Giá tại Publish BSC dự báo KQKD MSN DTT và LNST&CDTT 2019F lần lượt đạt 40,938 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 4,225 tỷ đồng (-14% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 23%, EPS FW 2019F đạt 3,920 VND/CP, PE FW = 20.5x và PB FW = 2.6x. Lũy kế nửa đầu năm 2019 KQKD của MSN đang chậm lại, cụ thể: DT và LNST của MSN đạt 18,099 tỷ đồng (+0.33% yoy) và 2,191.6 tỷ đồng (-35.9% yoy, nếu loại trừ LNBT thì LNST tăng +8% yoy). Qua đó , MSN hoàn thành 40.22% kế hoạch DT và 43.8% kế hoạch LNST. Chúng tôi lưu ý MSN đầu năm đặt kế hoạch thấp cho năm 2019 với DTT và LNST&CDTS đạt 45,000 tỷ đồng và 5,000 tỷ đồng.
VNM 2019Q3	27/9/2019	Khuyến nghị NĂM GIỮ; Giá mục tiêu 142100; Giá tại Publish 130000 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 22.4x và PB fw là 7.4x. Chúng tôi giả định doanh thu nội địa đạt 44.5 ngàn tỷ đồng (+7% yoy) trong 2019F nhờ (1) Tăng thị phần nội địa và nhu cầu tiêu thụ sữa vẫn còn tăng trưởng; (2) BLNG cải thiện lên 47.3% với giả định giá sữa nguyên liệu WMP giảm 3%; (3) Các chi phí SGA/Rev duy trì mức 25% theo như VNM công bố đầu năm. SCIC thoái vốn 36% cổ phần VNM cuối năm 2019-2020. Mở cửa xuất khẩu sữa VNM ra thị trường tiềm năng Trung Quốc. Hàng ngoại nhập sẽ cạnh tranh với VNM từ các hiệp định thương mại. Biến động giá sữa nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng tới biên gộp.
VHC 2019Q3	25/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93500; Giá tại Publish 79500 Năm 2019, chúng tôi điều chỉnh giảm doanh thu năm 2019 đạt 9,522 tỷ (-6.8% so với dự báo trước) do hạ kỳ vọng về kim ngạch xuất khẩu của VHC (giá bán giảm 10% thay vì 5% trong báo cáo trước). Chúng tôi điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế lên mức 1,435 tỷ (+9.1% so với dự báo trước) do (1) điều chỉnh khoản LN bất thường (103.8 tỷ) từ thoái vốn công ty con và (2) tăng mức biên LNG lên 20.9% cho cả năm 2019 do trong 1H.2019, VHC tiếp tục được hưởng lợi từ mức chênh lệch giữa giá đầu vào và giá bán. EPS dự phóng 2019 đạt 15,489 VND/cp. Nếu loại trừ ảnh hưởng của LN bất thường, LNST đạt 1,331 tỷ, EPS đạt 14,264 VND/cp.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn